

Số: /QĐ-UBND

Vĩnh Thanh, ngày tháng 6 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Vĩnh Hòa,  
huyện Vĩnh Thanh đến năm 2035**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Quyết định số 1672/QĐ-TTg ngày 30/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bình Định đến năm 2035;*

*Căn cứ Thông tư số 07/2016/TT-BXD ngày 01/02/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về “Các công trình hạ tầng kỹ thuật”;*

*Căn cứ Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 16/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;*

*Căn cứ Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 27/6/2019 của UBND tỉnh Bình Định ban hành Quy định về lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý thực hiện quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh;*

*Căn cứ Quyết định số 35/2020/QĐ-UBND ngày 15/6/2020 của UBND tỉnh Bình Định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý thực hiện quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 27/6/2019 của UBND tỉnh Bình Định;*

*Căn cứ Quyết định số 3108/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng huyện Vĩnh Thạnh đến năm 2035;*

*Theo đề nghị của UBND xã Vĩnh Hòa tại Tờ trình số 42/TTr-UBND ngày 18/4/2023 và đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Tờ trình số 341/TTr-KT&HT ngày 15/6/2023.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Vĩnh Hòa đến năm 2035 với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên đồ án, vị trí, phạm vi ranh giới và quy mô lập quy hoạch

1.1. Tên đồ án: Quy hoạch chung xây dựng xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Thạnh đến năm 2035.

1.2. Vị trí, phạm vi ranh giới, quy mô quy hoạch

- Thuộc ranh giới xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định; có giới cận cụ thể như sau:

+ Phía Bắc giáp xã Vĩnh Thịnh;

+ Phía Nam giáp xã Tây Thuận, huyện Tây Sơn;

+ Phía Đông giáp xã Bình Tân, huyện Tây Sơn;

+ Phía Tây giáp xã Vĩnh Quang;

- Quy mô quy hoạch: 2.933,27ha.

- Thời kỳ quy hoạch: Đến năm 2035, phân kỳ 5 năm.

2. Tính chất và mục tiêu quy hoạch

- Quy hoạch chung xây dựng xã Vĩnh Hòa nhằm phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của xã trong giai đoạn hiện nay và cụ thể hóa các đồ án quy hoạch chung của tỉnh, của huyện và quy hoạch của các ngành trên địa bàn xã một cách đồng bộ.

- Tổ chức không gian tổng thể các khu chức năng, hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội cho phù hợp với các dự án lân cận của cấp trên, phù hợp với tiềm năng, động lực phát triển kinh tế - xã hội của xã Vĩnh Hòa.

- Cụ thể hóa chủ trương phát triển kinh tế, xã hội của huyện Vĩnh Thạnh; Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ xã Vĩnh Hòa, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

- Phát huy lợi thế về vị trí địa lý của xã Vĩnh Hòa để phát triển kinh tế - xã hội toàn diện, xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới.

- Xác lập quy mô quỹ đất để chuyển mục đích sử dụng và quyền sử dụng đất, khai thác hợp lý quỹ đất ít có giá trị sử dụng nhằm tạo nguồn tài chính để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng. Định hướng sử dụng đất của xã hàng năm một cách hợp lý.

- Làm cơ sở pháp lý cho việc quản lý xây dựng theo quy hoạch.

### 3. Quy mô dân số, lao động, các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu

#### 3.1. Dự báo phát triển dân số, lao động

- Tốc độ tăng dân số trung bình giai đoạn 2022 - 2025 là 1%/năm (trong đó: tăng tự nhiên là 0,9%/năm, tăng cơ học là 0,1%/năm); giai đoạn 2026-2035 là 1,0%/năm (trong đó: tăng tự nhiên là 0,8%/năm, tăng cơ học là 0,2%/năm).

- Dân số toàn xã đến năm 2025 là 2.339 người và đến năm 2035 là 2.516 người.

- Lao động: Nguồn lao động đến năm 2025 là 1.385 người, chiếm 59,2% dân số, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 35%; đến năm 2035 là 1.573 người, chiếm 62,5% dân số, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 80%.

#### 3.2. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu

##### a) Chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm giai đoạn 2021 - 2025 là 13%/năm, trong đó: Nông, lâm, ngư nghiệp tăng 7,1%; thương mại - dịch vụ tăng 13,9%; tiểu thủ công nghiệp 29,8% năm. Giai đoạn 2026-2035, tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm là 12,5%/năm: Nông lâm nghiệp là 7 - 8%/năm; thương mại - dịch vụ tăng 14 - 15%/năm; tiểu thủ công nghiệp 16 - 18%/năm.

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo giá trị sản xuất:

+ Đến năm 2025: Nông, lâm, ngư nghiệp chiếm 64,3%; thương mại - dịch vụ chiếm 13,2%; tiểu thủ công nghiệp 22,5%;

+ Đến năm 2035: Nông, lâm, ngư nghiệp chiếm 45%; thương mại - dịch vụ chiếm 22%; tiểu thủ công nghiệp 33%.

- Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2025 đạt 35,6 triệu đồng/người/ năm và đến năm 2035 đạt từ 65 triệu đồng/người/năm trở lên.

##### b) Chỉ tiêu kỹ thuật:

Các chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật trong đồ án quy hoạch chung xây dựng xã thực hiện theo Điều 18 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ; Điều 34 Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của

Bộ trưởng Bộ Xây dựng; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021; QCVN 07:2016/BXD "Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật" và điều kiện ở địa phương, xác định các chỉ tiêu chủ yếu sau:

- Chỉ tiêu đất xây dựng:

+ Đất ở tại các khu dân cư mới: 30m<sup>2</sup>/người.

+ Đất công trình công cộng, dịch vụ tối thiểu: 5m<sup>2</sup>/người.

+ Đất cho giao thông và hạ tầng kỹ thuật: 5m<sup>2</sup>/người.

+ Đất cây xanh công cộng tối thiểu: 2m<sup>2</sup>/người.

+ Đất giao thông đối ngoại: Theo quy hoạch của huyện và tỉnh.

- Các chỉ tiêu kiến trúc:

+ Nhà ở trong các thôn xóm tầng cao trung bình từ 1 - 3 tầng.

+ Nhà chia lô mặt đường và khu trung tâm cao trung bình từ 1 - 5 tầng.

+ Các công trình văn hóa, giáo dục tầng cao trung bình từ 1 - 3 tầng.

+ Các công trình hành chính và các công trình công cộng khác cao trung bình từ 1 - 3 tầng.

- Quy định về quy mô tối thiểu các công trình công cộng, dịch vụ, kỹ thuật:

STT	Nội dung	Chỉ tiêu	Ghi chú
1	Trụ sở UBND xã	- Tổng diện tích đất: $\geq 1.000 \text{ m}^2$ . - Định mức diện tích đất sử dụng mỗi trụ sở: $\leq 400 \text{ m}^2$ .	Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng
2	Cấp điện	- Tỷ lệ số hộ dùng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn: $\geq 95\%$ . - Chỉ tiêu cấp điện (giai đoạn dài hạn): + Điện năng: $\geq 200 \text{ kWh/người/năm}$ . + Chỉ tiêu cấp điện cho công trình công cộng: $\geq 15\%$ nhu cầu sinh hoạt của xã hoặc cụm xã. + Phụ tải: $\geq 150 \text{ W/người}$ .	Quyết định số 4293/QĐ-BCT ngày 28/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương
3	Trường, điểm trường mầm non	- Bán kính phục vụ: $\leq 1 \text{ km}$ . - Chỉ tiêu sử dụng công trình tối thiểu: 50 chỗ/ 1.000 dân. - Chỉ tiêu sử dụng đất tối thiểu: $\geq 12 \text{ m}^2/\text{chỗ}$ .	Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng
4	Trường, điểm trường tiểu	- Bán kính phục vụ: $\leq 1 \text{ km}$ .	Thông tư số 01/2021/TT-

STT	Nội dung	Chỉ tiêu	Ghi chú
	học	- Chỉ tiêu sử dụng công trình tối thiểu: 65 chỗ/ 1.000 dân. - Chỉ tiêu sử dụng đất tối thiểu: $\geq 10$ m <sup>2</sup> /chỗ.	BXD ngày 19/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng
5	Trường THCS	- Chỉ tiêu sử dụng công trình tối thiểu: 55 chỗ/ 1.000 dân. - Chỉ tiêu sử dụng đất tối thiểu: $\geq 10$ m <sup>2</sup> /chỗ.	
6	Trạm y tế	- Không có vườn thuốc: Diện tích đất 500 m <sup>2</sup> /trạm. - Có vườn thuốc: Diện tích đất 1.000 m <sup>2</sup> /trạm.	
7	Văn hóa, thể thao công cộng (Các hạng mục văn hóa, thể thao công cộng phải kết hợp trong cùng nhóm công trình để đảm bảo sử dụng khai thác	- Nhà văn hóa 1.000 m <sup>2</sup> /công trình. - Phòng truyền thống 200 m <sup>2</sup> /công trình. - Thư viện 200 m <sup>2</sup> /công trình. - Hội trường 100 chỗ/công trình. - Cụm công trình, sân bãi thể thao 5.000m <sup>2</sup> /cụm.	Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng
8	Chợ, cửa hàng dịch vụ (Tùy theo đặc điểm địa phương có thể bố trí cho xã hoặc liên xã)	- 01 công trình/khu trung tâm 300 m <sup>2</sup> .	Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng
9	Điểm phục vụ bưu chính viễn thông	01 điểm/xã với diện tích 150 m <sup>2</sup> /điểm.	
10	Cấp nước	- Nước cấp cho sinh hoạt: trường hợp cấp nước đến hộ gia đình đảm bảo tối thiểu 60 lít/người/ngày đêm; trường hợp cấp nước đến vị trí lấy nước công cộng đảm bảo tối thiểu 40lít/người/ ngày đêm. - Nước cấp cho sản xuất tiểu thủ công nghiệp tại hộ gia đình $\geq 8\%$ lượng nước cấp cho sinh hoạt.	Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng
11	Nghĩa trang	Diện tích nghĩa trang tập trung 0,04ha/1.000 người.	Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng

#### 4. Phân khu chức năng

##### 4.1. Quy hoạch phát triển không gian

- Khu trung tâm xã Vĩnh Hòa: Theo đồ án Quy hoạch chung xã nông thôn mới xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Thạnh đến năm 2020 thì khu trung tâm xã thuộc địa phận của thôn M7 (từ cửa hàng thương nghiệp miền núi đến khu dân cư phía Đông Trường Tiểu học & THCS Vĩnh Hòa). Tổng diện tích là 10,37ha, là trung tâm hành chính, kinh tế, văn hóa của xã, bao gồm các công trình: Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Vĩnh Hòa, đài tưởng niệm, cửa hàng thương nghiệp miền núi, bưu điện, trường tiểu học và khu dân cư dọc theo trục đường chính của xã Vĩnh Hòa. Trong kỳ quy hoạch đến năm 2035, trung tâm xã sẽ tăng quy mô diện tích lên 25,84ha (mở rộng về phía Bắc UBND xã Vĩnh Hòa và về phía Nam đến giáp với ranh giới với thôn Tiên Hòa) để phù hợp với định hướng phát triển của huyện và xã Vĩnh Hòa. Các quy hoạch mới ở khu trung tâm xã: Hoa viên cây xanh, đất ở nông thôn, giao thông, nhà làm việc công an xã, sân vận động, mở rộng trường tiểu học, chợ, công trình dịch vụ thương mại và đất khu dân cư tập trung ở thôn M7.

- Khu dân cư nông thôn: Khu dân cư ở khu trung tâm xã Vĩnh Hòa dọc theo đường liên thôn thuộc địa phận thôn M7, phát triển theo hình thái nhà ở tập trung liên kê, nhà ở kết hợp với kinh doanh dịch vụ; các điểm dân cư tập trung ở các thôn dọc theo tuyến ĐH29 và đường liên thôn, phát triển theo hình thái nhà vườn kết hợp sản xuất nông nghiệp, kinh doanh dịch vụ. Các công trình thiết yếu phục vụ đời sống nhân dân như: Nhà văn hóa thôn, khu thể dục, thể thao thôn,...

- Điểm thương mại - dịch vụ: Chợ, khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn thuộc thôn M7.

- Hoa viên cây xanh thuộc thôn M7.

- Sân vận động xã thuộc thôn M7.

- Mở rộng Trường Tiểu học & THCS Vĩnh Hòa điểm M7 về phía Đông khu trung tâm xã.

- Quy hoạch khu dân cư dọc theo tuyến ĐH29 từ thôn M7 đến thôn M6, khu dân cư thôn M6 mở rộng về phía Nam đến sông Côn, khu dân cư thôn Tiên An nằm ở phía Nam tuyến ĐH29, khu dân cư thôn M9 ở phía Bắc của nhà rông thôn M9, khu dân cư thôn M10 ở phía Nam nhà rông thôn M10.

- Mở đất khai thác phục vụ xây dựng nằm ở phía Tây trung tâm xã, thuộc thôn M7.

- Mở đường kết nối với xã Vĩnh Quang thuộc địa phận thôn M7.

- Quy hoạch đất thương mại dịch vụ dọc theo tuyến ĐH29 ở khu vực giáp ranh thôn M6 và M7.

- Quy hoạch khu xử lý chất thải rắn tập trung của xã và huyện ở phía Bắc thôn M6.

- Quy hoạch nhà máy xử lý nước thải tập trung ở thôn M7.
- Mở rộng nghĩa trang nhân dân các thôn M6, M7, M8, M9, M10, Tiên An, Tiên Hòa.
- Quy hoạch thao trường huấn luyện dân quân tự vệ khu vực hồ Hà Nhe thuộc thôn M7.
- Khu sản xuất nông nghiệp:
  - + Quy hoạch khu chăn nuôi tập trung phía Đông thôn M6.
  - + Quy hoạch vùng trồng đậu đỗ các loại thuộc thôn M6.
  - + Quy hoạch vùng trồng rau sạch thuộc thôn Tiên An, Tiên Hòa.
  - + Quy hoạch vùng nguyên liệu sắn thuộc thôn M8, M9 và M10.
  - + Quy hoạch vùng trồng cây ăn quả ở phía Bắc của thôn M10.
- Khu sản xuất lâm nghiệp: Tập trung chủ yếu ở phía Bắc và Đông Bắc của xã, đối với rừng tự nhiên tập trung giao khoán quản lý bảo vệ rừng và khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng để quản lý bảo vệ. Còn rừng trồng sản xuất định hướng quy hoạch trồng rừng cây gỗ lớn và xây dựng cấp chứng chỉ rừng (FSC).

#### 4.2. Quy hoạch hệ thống điểm dân cư, khu trung tâm

##### a) Quy hoạch khu trung tâm xã:

- Quy mô diện tích ranh giới khu trung tâm xã với diện tích 25,84ha, thuộc địa phận của thôn M7.
- Bố trí các công trình công cộng như: Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã; các công trình công cộng như: Nhà làm việc Công an xã, giáo dục, y tế, bưu điện, nhà văn hóa xã, khu thể dục, thể thao, hoa viên cây xanh, thương mại - dịch vụ và các cơ sở phát triển sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp, cây xanh cách ly, giao thông, điện, cấp nước sinh hoạt, cấp thoát nước.
- Hình thức tổ chức nhà ở: Bố trí chủ yếu loại nhà ở kết hợp buôn bán, dịch vụ dọc theo các trục đường chính của khu trung tâm.

Stt	Danh mục	Diện tích (ha)
	<b>Tổng cộng</b>	<b>25,84</b>
1	Đất trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã	1,37
2	Đất trạm y tế xã	0,5
3	Đất bưu điện văn hóa xã	0,04
4	Đất trường tiểu học & THCS Vĩnh Hòa, điểm M7	1,53
5	Cửa hàng thương nghiệp miền núi	0,13
6	Đất sân vận động xã	1,08
7	Đất an ninh (quy hoạch Nhà làm việc Công an xã)	0,10

<b>Stt</b>	<b>Danh mục</b>	<b>Diện tích (ha)</b>
8	Đất quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn	0,25
9	Chợ	0,25
10	Đất ở hiện trạng	5,20
11	Đất ở quy hoạch mới khu Trung tâm xã	8,21
12	Đất quy hoạch hoa viên cây xanh	1,95
13	Đài tưởng niệm	0,12
14	Trường mẫu giáo Vĩnh Hòa, điểm M7	0,13
15	Nhà văn hóa thôn M7	0,15
16	Đất giao thông	4,43
17	Đất có mặt nước	0,40

*b) Quy hoạch khu dân cư mới và cải tạo thôn, xóm:*

- Khu dân cư trung tâm xã (thôn M7), quy hoạch các điểm như sau: Điểm dân cư diện tích 0,21ha cạnh cửa hàng thương nghiệp miền núi; đất khu dân cư tập trung diện tích khoảng 8,0ha.

- Khu dân cư Đồng Bình - M6, quy hoạch 2 điểm với tổng diện tích 5,4ha.

- Khu dân cư thôn Tiên Hòa quy hoạch 1 điểm với diện tích 1,78ha, bố trí phía Tây nhà văn hóa thôn Tiên Hòa.

- Khu dân cư thôn Tiên An quy hoạch 1 điểm với diện tích 2,58ha nằm ở phía Tây của Nghĩa trang nhân dân thôn Tiên An, dọc theo đường giao thông nội đồng hướng chạy về Soi Đường.

- Khu dân cư thôn M9 quy hoạch 1 điểm với diện tích 3,3ha, nằm ở phía Bắc nhà rông thôn M9.

- Khu dân cư thôn M10 quy hoạch 1 điểm với diện tích 3,3ha nằm ở phía Nam nhà rông thôn M10.

*c) Quy hoạch các công trình công cộng:*

<b>TT</b>	<b>Công trình</b>	<b>Thôn</b>	<b>Hiện trạng (m<sup>2</sup>)</b>	<b>Quy hoạch (m<sup>2</sup>)</b>	<b>Tăng (+), giảm (-) (m<sup>2</sup>)</b>
1	Đất trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã	M7	13.749,9	13.749,9	
2	Đất trạm y tế xã	M7	5.211,7	5.211,7	



<b>TT</b>	<b>Công trình</b>	<b>Thôn</b>	<b>Hiện trạng (m<sup>2</sup>)</b>	<b>Quy hoạch (m<sup>2</sup>)</b>	<b>Tăng (+), giảm (-) (m<sup>2</sup>)</b>
3	Đất bưu điện văn hóa xã	M7	357,4	357,4	
4	Đất trường Tiểu học & THCS Vĩnh Hòa, điểm M7	M7	9.619,3	15.300	5.680,7
5	Cửa hàng thương nghiệp miền núi	M7	1.314,0	1.314,0	
6	Đất sân vận động xã	M7		10.800	10.800
7	Đất an ninh (quy hoạch Nhà làm việc Công an xã)	M7		1.000	1.000
8	Đất quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn	M7		2.500	2.500
9	Chợ	M7		2.500	2.500
10	Đất quy hoạch hoa viên cây xanh	M7		19.500	19.500
11	Đài tưởng niệm	M7	1.200	1.200	
12	Trường mẫu giáo điểm trường thôn M7	M7	1.343,7	1.343,7	
13	Nhà Văn hóa thôn M7	M7	1.496,3	1.496,3	
14	Thao trường huấn luyện dân quân tự vệ	M7		15.000	15.000
15	Đất thương mại dịch vụ thôn M7	M7		12.600	12.600
16	Đất xử lý rác thải huyện Vĩnh Thạnh	M6		80.500	80.500
17	Đất xử lý rác thải xã Vĩnh Hòa	M6		10.000	10.000
18	Đất xây dựng nhà máy xử lý nước thải	M7		18.000	18.000
19	Trường Mẫu giáo Vĩnh Hòa, điểm M8 mở rộng	M8	1.293,0	3.293,0	2.000
20	Trạm Kiểm lâm Hà Nhe	Tiên An	1.267,0	1.267,0	
21	Nhà Văn hóa thôn Tiên Hòa	Tiên Hòa	2.117,0	2.117,0	
22	Nhà văn hóa thôn M9	M9	1.831,0	1.831,0	
23	Nhà Văn hóa thôn M8	M8	1.154,4	1.154,4	
24	Trường Tiểu học Vĩnh Hòa, điểm M9	M9	3.191,1	3.191,1	
25	Trường Mẫu giáo thôn M9	M9	1.500,2	1.500,2	
26	Nhà văn hóa thôn M10	M10	1.727,2	1.727,2	
27	Trường Mẫu giáo Vĩnh Hòa, điểm M6	M6	6.437,4	6.437,4	

<b>TT</b>	<b>Công trình</b>	<b>Thôn</b>	<b>Hiện trạng (m<sup>2</sup>)</b>	<b>Quy hoạch (m<sup>2</sup>)</b>	<b>Tăng (+), giảm (-) (m<sup>2</sup>)</b>
28	Nhà văn hóa thôn M6	M6	11.991,7	11.991,7	
29	Nghĩa trang nhân dân thôn M6, M7	M6	12.000	32.000	20.000
30	Nghĩa trang nhân dân thôn M8, M9, M10	M9	2.400	30.000	27.600
31	Nghĩa trang nhân dân thôn Tiên An, Tiên Hòa	Tiên An		1.100	1.100
	<b>Tổng cộng</b>		<b>81.202,3</b>	<b>309.983,0</b>	

### 5. Định hướng tổ chức không gian xã

#### 5.1. Định hướng tổ chức hệ thống các công trình công cộng

a) *Trụ sở cơ quan (Đảng ủy - HĐND - UBND xã)*: Giữ nguyên vị trí hiện trạng, diện tích 13.749,9 m<sup>2</sup>.

b) *Trạm y tế xã Vĩnh Hòa*: Giữ nguyên vị trí hiện trạng tại thôn M7, diện tích 5.211,7m<sup>2</sup>.

#### c) *Công trình an ninh, quốc phòng*:

- Quy hoạch mới trụ sở Công an xã Vĩnh Hòa diện tích 1.000m<sup>2</sup>. Vị trí thuộc khuôn viên UBND xã, thôn M7.

- Quy hoạch thao trường huấn luyện dân quân tự vệ xã Vĩnh Hòa diện tích 15.000m<sup>2</sup> thuộc thôn M7 (khu vực hồ Hà Nhe).

d) *Bưu điện văn hóa xã*: Giữ nguyên vị trí hiện trạng tại thôn M7, diện tích 357,4m<sup>2</sup>.

#### e) *Công trình giáo dục*:

- Mở rộng Trường Tiểu học & Trung học cơ sở Vĩnh Hòa, điểm trường M7 lên với diện tích là 15.300m<sup>2</sup>.

- Quy hoạch xây dựng mở rộng trường mẫu giáo Vĩnh Hòa, điểm trường M8 với diện tích là 2.000m<sup>2</sup>.

- Các điểm trường khác vẫn giữ nguyên theo hiện trạng.

#### g) *Công trình văn hóa - thể thao*:

- Quy hoạch sân vận động xã với diện tích 10.800m<sup>2</sup> thuộc địa phận thôn M7 (phía Bắc Ủy ban xã).

- Quy hoạch khu thể thao thôn Tiên An với diện tích 0,25ha (phía Nam nhà văn hóa thôn M8).

- Nhà văn hóa và khu thể thao các thôn còn lại vẫn giữ nguyên theo hiện trạng.

#### 5.2. Định hướng tổ chức không gian quy hoạch kiến trúc khu dân cư

mới và các thôn cũ

a) *Đối với khu dân cư hiện trạng:*

- Khuyến khích tổ chức không gian, xây dựng công trình kế thừa bản sắc và kiến trúc truyền thống: Trong khuôn viên đất ở có nhà chính, nhà phụ (bếp, kho, sản xuất phụ,...). Các công trình phụ riêng biệt, có sân vườn,...

- Diện tích lô đất ở hộ sản xuất nông nghiệp: Từ 200 m<sup>2</sup>/hộ trở lên.

- Diện tích lô đất ở hộ kinh doanh, hộ làm nghề: Từ 100 m<sup>2</sup>/hộ trở lên.

- Mật độ xây dựng tối thiểu 40%.

- Chiều cao tầng khuyến khích ≤ 3 tầng.

b) *Đối với khu dân cư mới:*

- Chỉ tiêu sử dụng đất tối thiểu điểm dân cư nông thôn mới:

TT	Loại đất	(m <sup>2</sup> /người)
1	Đất xây dựng công trình nhà ở	30
2	Đất xây dựng công trình công cộng, dịch vụ	5
3	Đất cho giao thông và hạ tầng kỹ thuật	5
4	Cây xanh công cộng	2

- Hình thái kiến trúc nhà ở:

+ Kiến trúc hiện đại, đặc trưng của điểm dân cư nông thôn mới mang dáng dấp của dân cư đô thị mới. Khuyến khích tổ chức không gian, xây dựng công trình kế thừa bản sắc và kiến trúc truyền thống: Trong khuôn viên đất ở có nhà chính, nhà phụ (bếp, kho, sản xuất phụ,...). Các công trình phụ riêng biệt, có sân vườn,...

+ Diện tích lô đất ở hộ sản xuất nông nghiệp: Từ 200m<sup>2</sup>/hộ trở lên.

+ Diện tích lô đất ở hộ kinh doanh, hộ làm nghề: Từ 100m<sup>2</sup>/hộ trở lên.

+ Mật độ xây dựng tối thiểu 60%.

+ Chiều cao tầng từ 1 đến 3 tầng.

5.3. Định hướng tổ chức các khu vực sản xuất, dịch vụ

5.3.1. Quy hoạch sản xuất nông, lâm nghiệp

a) *Trồng trọt:*

- Giữ nguyên hiện trạng đất trồng lúa dọc theo sông Kôn và diện tích đất trồng lúa ở các thôn.

- Bố trí vùng trồng cây đậu đỗ các loại ở thôn M6 với diện tích khoảng 53,7ha dọc theo tuyến ĐH29 đến suối Nước Gà; khu vực giáp giới với xã Vĩnh Thịnh ở phía Bắc của thôn. Các loại cây trồng hàng năm khác bố trí ở khu vực dọc theo suối Lỗ Chình thuộc địa bàn thôn M8, M9, M10.

- Bố trí vùng trồng cây ăn quả tập trung ở cuối thôn M10. Các loại cây trồng như xoài, cam,..., diện tích khoảng 19,6ha.

- Bố trí vùng trồng rau sạch trên địa bàn các thôn Tiên Hòa 10,3ha; Tiên An và M8 là 13,5ha.

- Bố trí vùng trồng cây gỗ lớn ở các khu vực đồi núi giáp ranh với xã Tây Thuận (Tây Sơn) và vùng sườn núi phía Đông hồ Hà Nhe đến cuối thôn M10 trên đất rừng sản xuất. Diện tích quy hoạch khoảng 182,8ha.

#### *b) Chăn nuôi:*

- Tăng quy mô và chất lượng đàn vật nuôi, nâng cao chất lượng con giống được lai tạo, đa dạng hóa sản phẩm vật nuôi trên cơ sở tổ chức mạng lưới thú y cơ sở hoạt động có hiệu quả. Bên cạnh việc tăng tổng đàn một cách hợp lý, phát triển chăn nuôi nông hộ theo hình thức khép kín để đảm bảo vệ sinh môi trường; chăn nuôi dưới tán cây ăn quả, phát triển chăn nuôi dưới tán rừng,... Đối tượng vật nuôi chính là bò, heo, gà,...

- Bố trí 01 điểm chăn nuôi tập trung với diện tích khoảng 10ha ở thôn M6 để thu hút các thành phần kinh tế có điều kiện đầu tư phát triển chăn nuôi trang trại ứng dụng công nghệ cao.

#### 5.3.2. Quy hoạch lâm nghiệp

Quy hoạch đất lâm nghiệp trên địa bàn xã Vĩnh Hòa đến năm 2035 là 1.771,25 ha. Phương án quy hoạch tác nghiệp lâm nghiệp như sau:

- Đối với rừng phòng hộ 1.771,25ha, trong đó: Diện tích rừng tự nhiên là 460,31ha, diện tích rừng trồng là 80,33ha và diện tích đất chưa có rừng là 15,04ha.

- Đối với diện tích rừng tự nhiên sản xuất 611,44ha do UBND xã quản lý: Căn cứ vào điều kiện ở địa phương có kế hoạch giao cho hộ gia đình quản lý, bảo vệ hoặc địa phương tự tổ chức quản lý bảo vệ.

- Đối với diện tích rừng trồng sản xuất là 523,16ha và diện tích đất chưa có rừng 94,40ha: Bố trí vùng trồng cây gỗ lớn ở các khu vực đồi núi giáp ranh với xã Tây Thuận (Tây Sơn) và vùng sườn núi phía Đông hồ Hà Nhe đến cuối thôn M10 với diện tích 182,8ha; khuyến khích người dân trồng rừng gỗ lớn bằng cây bản địa và cấp chứng chỉ rừng bền vững (FSC); liên kết sản xuất giữa hộ gia đình và doanh nghiệp gỗ để nâng cao giá trị và phát triển bền vững.

#### 5.3.3. Thủy sản

Toàn xã có diện tích mặt nước ao nuôi cá là 3,75ha. Đến năm 2035 giảm xuống còn 3,55ha và ổn định quy mô diện tích ở các thôn. Duy trì nuôi cá theo hình thức quảng canh ở hồ Hà Nhe. Đối tượng nuôi là các loài cá nước ngọt.

5.3.4. Quy hoạch phát triển tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề, dịch vụ  
- thương mại nông thôn

- Quy hoạch 02 mỏ đất thôn M7 với tổng diện tích 6,6ha phục vụ hoạt động xây dựng trên địa bàn xã. Một điểm ở phía Tây UBND xã, một điểm

thuộc đất gò đồi trồng cây lâu năm phía Nam Trường Mầu giáo Vĩnh Hòa, điểm trường M7.

- Quy hoạch khu vực đất dành cho hoạt động thương mại dịch vụ phía Tây UBND xã, bên cạnh tuyến đường kết nối với cầu bắc qua xã Vĩnh Quang.

- Quy hoạch đất làm khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển phát triển kinh tế nông thôn với diện tích 0,25ha.

- Quy hoạch điểm chợ thuộc Trung tâm xã mới ở thôn M7 với diện tích 0,25ha, nằm ở phía Nam Trường Mầu giáo Vĩnh Hòa, điểm M7.

#### 5.3.5. Quy hoạch cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất

- Đường trục chính nội đồng: Để thuận tiện trong sản xuất nông nghiệp cũng như việc đi lại của nhân dân trong xã, sẽ đầu tư nâng cấp mở rộng, mở mới 34 tuyến đường giao thông với tổng chiều dài 20,5km. Kết cấu bê tông xi măng, đạt tiêu chuẩn cấp B theo tiêu chuẩn kỹ thuật của Bộ Giao thông vận tải về giao thông trở lên.

- Hệ thống thủy lợi: Bê tông xi măng các tuyến kênh mương: Tuyến từ ruộng Trần Văn Mến đến ruộng Phạm Ngọc Bình; tuyến từ kênh Chính đến ruộng bà Tâm; tuyến từ kênh Chính đến ruộng Lương Tô Hà; tuyến từ ruộng Trung Điền tới suối Chùa; tuyến Bàu Hữu tới suối Từ Bi; tuyến từ ruộng Máng đến Soi Nhơn, với tổng chiều dài các tuyến là 8,0km.

- Hệ thống điện phục vụ sản xuất: Đầu tư xây dựng mới 07 hệ thống trạm biến áp và các tuyến dây tại các điểm sau: Khu dân cư Đồng Bình - M6 và vùng trồng đậu các loại; khu dân cư thôn M7 và khu trung tâm xã; khu dân cư thôn Tiên An và vùng trồng rau sạch; Khu dân cư thôn M9, M10 và vùng nguyên liệu sắn; thao trường huấn luyện và vùng sản xuất phía Tây thôn M9, M10.

- Hệ thống đê, kè: Kè suối Nước Gà; kè sông Kôn khu vực khu dân cư Đồng Bình - M6; kè sông Kôn khu vực hai bên tuyến đường qua cầu Vĩnh Quang; kè sông Kôn từ ruộng ông Tuấn (Tiên Hòa) đến Soi Đường (Tiên An); nâng cấp tuyến kè suối Lỗ Chình (M10), với tổng chiều dài là 4,8km.

- Đầu tư xây dựng 02 cầu: Đầu tư xây dựng 02 cầu, thuộc thôn M7: Cầu bản qua thôn Tiên Hòa và cầu bản qua thôn M8.

#### 6. Quy hoạch sử dụng đất

Diện tích, cơ cấu các loại đất: Tổng diện tích tự nhiên: 2.933,27ha.

- Đất nông nghiệp: 2.667,53ha.

- Đất phi nông nghiệp: 249,30ha.

- Đất chưa sử dụng: 16,44ha.

TT	CHỈ TIÊU	Mã	Hiện trạng năm 2022		Quy hoạch năm 2035		Tăng (+) giảm (-) 2035/ 2022 (ha)
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
	<b>Tổng diện tích tự nhiên</b>		<b>2.933,27</b>	<b>100,00</b>	<b>2.933,27</b>	<b>100,0</b>	<b>0,00</b>
<b>1</b>	<b>Nhóm đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>2.719,63</b>	<b>92,72</b>	<b>2.667,53</b>	<b>90,94</b>	<b>-52,10</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA	103,58	3,53	100,74	3,43	-2,84
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	378,24	12,89	359,59	12,26	-18,65
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	454,10	15,48	419,15	14,29	-34,95
1.4	Đất rừng sản xuất	RSX	1.328,48	45,29	1.323,02	45,10	-5,46
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH	446,79	15,23	446,79	15,23	
1.6	Đất rừng đặc dụng	RDD					
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	3,75	0,13	3,55	0,12	-0,20
1.8	Đất nông nghiệp khác	NKH	<b>4,69</b>	<b>0,16</b>	14,69	0,50	10,00
<b>2</b>	<b>Nhóm đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>194,05</b>	<b>6,62</b>	<b>249,30</b>	<b>8,50</b>	<b>55,24</b>
2.1	Đất ở (Đất ở tại nông thôn )	ONT	33,94	1,16	56,87	22,81	22,93
2.2	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	1,38	0,05	1,77	0,71	0,39
2.3	Đất quốc phòng	CQP			1,50	0,60	1,50
2.4	Đất an ninh	CAN			0,10	0,04	0,10
2.5	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	3,33	0,11	4,26	1,71	0,93
2.6	Đất sản xuất, kinh doanh phi NN	CSK	0,42	0,01	1,99	0,80	1,57
2.7	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	97,67	3,33	118,43	47,51	20,76
2.8	Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	5,33	0,18	12,19	4,89	6,86
2.9	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	50,14	1,71	50,14	20,11	0,00
2.10	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	1,85	0,06	2,05	0,82	0,20
2.11	Đất phi nông nghiệp khác	PNK					
<b>3</b>	<b>Nhóm đất chưa sử dụng</b>	<b>DCS</b>	<b>19,58</b>	<b>0,67</b>	<b>16,44</b>	<b>0,56</b>	<b>-3,14</b>

## 7. Quy hoạch mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật và bảo vệ môi trường

### 7.1. Giao thông

- Đường giao thôn nông thôn: Nâng cấp mở rộng và mở mới tổng cộng 34 tuyến đường giao thông nông thôn với tổng chiều dài 20,5km. Kết cấu bê tông xi măng, chiều rộng mặt đường 3,5 – 7,0m, chiều rộng nền đường 7 – 14m.

- Đầu tư xây dựng 02 cầu kết nối Trung tâm xã với các thôn: Cầu bản qua thôn Tiên Hòa và cầu bản qua thôn M8.

### 7.2. Thủy lợi

- Bê tông xi măng các tuyến kênh mương: Tuyến từ ruộng Trần Văn Mến đến ruộng Phạm Ngọc Bình; tuyến từ kênh Chính đến ruộng bà Tâm; tuyến từ kênh Chính đến ruộng Lương Tô Hà; tuyến từ ruộng Trung Điền tới suối Chùa; tuyến Bà Hữu tới suối Từ Bi; tuyến từ ruộng Máng đến Soi Nhơn, với tổng chiều dài các tuyến là 6,03km.

- Kè suối Nước Gà; Kè sông Kôn khu vực khu dân cư Đồng Bình - M6; Kè sông Kôn khu vực hai bên tuyến đường qua cầu Vĩnh Quang; Kè sông Kôn từ ruộng ông Tuấn (Tiên Hòa) đến Soi Đường (Tiên An); nâng cấp tuyến kè suối Lộ Chinh (M10), với tổng chiều dài là 4,8km.

### 7.3. Quy hoạch hệ thống cấp điện

- Trạm điện và đường dây: Đầu tư hệ thống điện gồm trạm biến áp và hệ thống đường dây vào các khu dân cư mới và các vùng quy hoạch sản xuất tập trung để chủ động sử dụng điện trong sản xuất và sinh hoạt.

- Hệ thống điện phục vụ sản xuất: Đầu tư xây dựng mới 07 hệ thống trạm biến áp và các tuyến dây tại các điểm sau: Khu dân cư Đồng Bình - M6 và vùng trồng đậu các loại; khu dân cư thôn M7 và khu trung tâm xã; khu dân cư thôn Tiên An và vùng trồng rau sạch; khu dân cư thôn M9, M10 và vùng nguyên liệu sắn; thao trường huấn luyện và vùng sản xuất phía Tây thôn M9, M10.

- Lưới điện chiếu sáng: Hệ thống điện chiếu sáng các đường trục chính của xã, đường khu trung tâm xã đã được đầu tư. Trong thời gian tới, vận động người dân địa phương phối hợp với UBND xã Vĩnh Hòa tiếp tục đầu tư lắp hệ thống điện thấp sáng đường làng, ngõ xóm phục vụ cho việc đi lại của người dân và đảm bảo được an ninh, trật tự trên địa bàn xã.

7.4. Quy hoạch hệ thống cấp nước: Với tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt 80 lít/người/ngày đêm và quy mô dân số toàn xã đến năm 2025 khoảng 2.339 người và định hướng đến năm 2035 khoảng 2.516 người; Lượng nước cần cung cấp cho toàn xã như sau:

+ Đến năm 2025: Khoảng 303,58 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

+ Đến năm 2035: Khoảng 326,56 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

### 7.5. Quy hoạch thoát nước

- Thoát nước mưa: Thoát theo địa hình tự nhiên và thông qua hệ thống cống rãnh gắn với xây dựng đường giao thông.

- Thoát nước thải:

+ Khu trung tâm xã, khu quy hoạch dân cư mới bằng cống tròn bê tông cốt thép D4004D2.000, bố trí hệ thống xử lý đảm bảo yêu cầu trước khi thoát ra môi trường tự nhiên.

+ Đối với các điểm dân cư ở các thôn vận động nhân dân xây dựng hệ thống xử lý nước thải thông qua hầm rút (hố xí, nhà tắm). Nước thải chăn nuôi vận động nhân dân xử lý theo công nghệ Biogas.

## 7.6. Quy hoạch vệ sinh môi trường

### a) *Chất thải rắn (CTR):*

#### - Thu gom CTR:

+ Đối với rác thải sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân, cơ quan, trường học, cơ sở kinh doanh, hộ kinh doanh, dịch vụ ăn uống giải khát dọc theo tuyến ĐH29 và trục đường chính của xã từ thôn M7 đến ngã ba Tiên Hòa chạy về thôn M10. UBND xã Vĩnh Hòa xem xét ký hợp đồng với đơn vị có năng lực để thu gom rác chuyên dụng về bãi rác chung của xã thuộc thôn M6.

+ Đối với rác thải sinh hoạt của các hộ xa trục đường chính, xe trọng tải lớn không đến được hoặc do điều kiện địa hình khó khăn thì hình thành các tổ gom rác, vận chuyển bằng xe cải tiến đến vị trí quy định để đơn vị thu gom.

+ Đối với các hộ gia đình trong xóm mà nằm xa các tuyến đường, có vườn rộng thì Ban nhân dân các thôn vận động, hướng dẫn người dân phân loại rác, chôn lấp, tiêu hủy theo đúng quy định.

#### - Xử lý CTR:

Tại bãi tập trung chất thải rắn, công tác xử lý chất thải rắn sẽ được thực hiện theo đúng quy định.

Ngoài ra, để thực hiện tốt việc bảo vệ môi trường, UBND xã Vĩnh Hòa cần phối hợp với cơ quan bảo vệ môi trường của huyện tiến hành giám sát việc xả chất thải (nước thải, chất thải rắn, khí thải...) của các hộ gia đình, gia trại, doanh nghiệp,...; có biện pháp xử lý kịp thời đối với các hành vi vi phạm Luật Bảo vệ môi trường.

b) *Nghĩa trang:* Nghĩa trang nhân dân ở các thôn trên địa bàn xã đã có quy hoạch và đi vào hoạt động. Tuy nhiên, để phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện, xã, quy hoạch mở rộng 03 nghĩa trang nhân dân thuộc thôn M6 (2ha); thôn Tiên An (1,1ha) và thôn M9 (2,76ha).

## 8. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư và nguồn vốn

### a) *Danh mục, công trình ưu tiên đầu tư:*

- Đầu tư bê tông hoá các tuyến đường trục xã, đường trục thôn, xóm và đường trục chính giao thông nội đồng.

- Đầu tư mở các tuyến đường sản xuất dọc theo sông Kôn ở các vùng sản xuất thuộc các thôn M6 đến thôn Tiên An.

- Quy hoạch chi tiết khu trung tâm xã, các khu dân cư tập trung.

- Quy hoạch điểm dân cư mới ở các thôn M6, M7, Tiên An, M9 và M10.

- Đầu tư xây dựng khu dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn ở thôn M7.

- Đầu tư xây dựng chợ thuộc thôn M7.

- Đầu tư hệ thống điện phục vụ sản xuất và dân sinh.



- Đầu tư bê tông hoá kênh mương nội đồng thôn M6, M7, Tiên Hòa, Tiên An.
- Đầu tư xây dựng cầu bản qua thôn Tiên Hòa và cầu bản qua thôn M8.
- Nâng cấp, xây mới hệ thống kè suối Nước Gà và kè suối Lỗ Chình phục vụ cho sản xuất.
- Nâng cấp, bổ sung và sửa chữa các hạng mục hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội để đáp ứng đạt được các tiêu chí nông thôn mới trong thời gian tới.

*b) Vốn đầu tư:*

Tổng khái toán vốn đầu tư: 154.779 triệu đồng. Trong đó:

- Vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng: 127.379 triệu đồng.
- Vốn đầu tư phát triển sản xuất: 27.400 triệu đồng.

9. Quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch:

Sau khi Quy hoạch chung xây dựng xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Thạnh đến năm 2035 được phê duyệt; UBND xã Vĩnh Hòa có trách nhiệm xây dựng Quy định quản lý quy hoạch xây dựng có tích hợp quy chế quản lý kiến trúc các điểm dân cư đề trình UBND huyện phê duyệt, làm căn cứ quản lý xây dựng trên địa bàn xã theo quy hoạch này.

10. Giải pháp tổ chức thực hiện quy hoạch chung xây dựng xã

- Tổ chức công khai đầy đủ, kịp thời các quy hoạch, trong đó chú trọng tuyên truyền rộng rãi trên các phương tiện thông tin truyền thông, trên trang thông tin điện tử và tích hợp trong cơ sở dữ liệu quốc gia, đảm bảo thuận tiện trong việc tìm hiểu, tra cứu và sử dụng thông tin.

- Tổ chức lập quy hoạch xây dựng chi tiết các điểm dân cư tập trung, các khu quy hoạch sản xuất, khu dịch vụ - thương mại đã quy hoạch làm cơ sở triển khai các dự án đầu tư nhằm tạo nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, trong đó chú trọng các vị trí đã có trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, chương trình phát triển nhà ở được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các quy hoạch khác sau quy hoạch xây dựng đảm bảo đồng bộ các quy hoạch.

- Tiếp tục tranh thủ và huy động các nguồn lực từ ngân sách nhà nước các cấp, vốn nước ngoài và vốn xã hội hóa để xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ theo quy hoạch.

- Tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời, hiệu quả các cơ chế khuyến khích đầu tư của trung ương, của tỉnh, nhất là các chính sách ưu đãi về đất đai, tín dụng, thuế,...

- Phối hợp quy hoạch và chuẩn bị mặt bằng tạo điều kiện để các doanh nghiệp đầu tư nâng cấp hạ tầng điện, nước, thông tin truyền thông,... đáp ứng yêu cầu phát triển.

- Kêu gọi, thu hút đầu tư vào các lĩnh vực sản xuất, thương mại, dịch vụ,... đã được quy hoạch trên địa bàn. Đồng hành cùng doanh nghiệp, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về thủ tục đầu tư, mặt bằng sản xuất,...

**Điều 2.** Giao UBND xã Vĩnh Hòa chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện các bước tiếp theo theo đúng quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng, Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch UBND xã Vĩnh Hòa chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT, K2, KT&HT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Minh Thông**